

Số: 061/2025/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Quy định quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh
trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 522/TTr-STC ngày 23 tháng 12 năm 2025 và Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 514/BC-STC ngày 30 tháng 12 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định về Quy định quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cà Mau”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&QLXLVPHC);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Ph(DNNN32.7.2), M.A2143/12.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Chí Nguyễn

QUY ĐỊNH
Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh
trên địa bàn tỉnh Cà Mau
(Ban hành kèm theo Quyết định số 061/2025/QĐ-UBND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định quy trình kiểm tra nội dung đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 23 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, bao gồm: phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, thẩm quyền, hình thức, thời hạn, tần suất kiểm tra; lập, phê duyệt, điều chỉnh, công khai kế hoạch kiểm tra; nội dung, trình tự kiểm tra; tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra; công tác phối hợp, chia sẻ thông tin và trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan trong hoạt động kiểm tra; theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thuế tỉnh Cà Mau, Công an tỉnh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 15, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã);
- Doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc kiểm tra

- Việc kiểm tra được thực hiện theo quy định của Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch; đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; không gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động kiểm tra chuyên ngành của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành khác.
- Thẩm quyền kiểm tra được xác định trên cơ sở nguyên tắc của hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh.
- Ưu tiên áp dụng hình thức kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.
- Miễn kiểm tra thực tế đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh tuân thủ tốt quy định của pháp luật.

Điều 4. Thẩm quyền kiểm tra

1. Giám đốc Sở Tài chính tổ chức thực hiện kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hình thức, thời hạn và tần suất kiểm tra

1. Hình thức kiểm tra:
 - a) Kiểm tra trực tiếp tại trụ sở doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi cần xác minh thực tế hoạt động, hồ sơ, tài liệu.
 - b) Kiểm tra trực tuyến, từ xa thông qua hồ sơ, tài liệu, hệ thống dữ liệu điện tử.
2. Thời hạn kiểm tra:
 - a) Đối với cuộc kiểm tra do Sở Tài chính tổ chức thực hiện: Thời hạn kiểm tra không quá 10 ngày, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần không quá 05 ngày.
 - b) Đối với cuộc kiểm tra do Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện: Thời hạn kiểm tra không quá 07 ngày, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần không quá 03 ngày.
 - c) Thời hạn kiểm tra được tính từ ngày công bố quyết định kiểm tra.
3. Tần suất kiểm tra đối với cùng một đối tượng không quá 01 lần/năm, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng về hành vi vi phạm.

Điều 6. Lập, phê duyệt, điều chỉnh, công khai kế hoạch kiểm tra

1. Sở Tài chính xây dựng Kế hoạch kiểm tra chuyên đề trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch.
2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xây dựng Kế hoạch kiểm tra chuyên đề trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt; ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch.
3. Kế hoạch kiểm tra chuyên đề của Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp xã phải gửi Thanh tra tỉnh và cơ quan thanh tra có liên quan để xử lý chồng chéo, trùng lặp.
4. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch, cơ quan xây dựng kế hoạch báo cáo, trình người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch xem xét, quyết định điều chỉnh kế hoạch.
5. Kế hoạch kiểm tra chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt được công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt được công khai trên Trang thông tin điện tử của cấp xã.

Điều 7. Nội dung kiểm tra

Nội dung kiểm tra bao gồm:

1. Việc chấp hành thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ đăng ký nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh thành lập mới, đăng ký thay đổi

nội dung đăng ký của doanh nghiệp và hộ kinh doanh, báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

2. Tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh.

3. Việc đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

Điều 8. Trình tự kiểm tra

1. Ban hành quyết định kiểm tra:

a) Người có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Quy trình này ban hành quyết định kiểm tra.

b) Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra:

- Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc sự cố, sự kiện, dấu hiệu bất thường theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh;

- Theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước;

- Theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền;

- Theo kế hoạch kiểm tra chuyên đề (nếu có).

c) Nội dung quyết định kiểm tra:

- Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra;

- Phạm vi, nội dung kiểm tra;

- Đối tượng kiểm tra;

- Thời hạn kiểm tra;

- Thành phần Đoàn kiểm tra.

d) Quyết định kiểm tra được công bố với đối tượng kiểm tra khi tiến hành kiểm tra.

2. Thành lập Đoàn kiểm tra:

a) Người có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Quy trình này quyết định thành lập Đoàn kiểm tra. Đoàn kiểm tra gồm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn (nếu có) và các thành viên.

b) Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra phải là người am hiểu pháp luật, có năng lực, chuyên môn phù hợp với nội dung kiểm tra; không trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật, xử lý hình sự; không thuộc trường hợp xung đột lợi ích với đối tượng kiểm tra theo quy định.

3. Ban hành kế hoạch tiến hành kiểm tra:

a) Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm xây dựng, ban hành kế hoạch tiến hành kiểm tra trình người ra quyết định kiểm tra phê duyệt.

b) Kế hoạch tiến hành kiểm tra có các nội dung gồm: mục tiêu, yêu cầu, đối tượng, nội dung, thời gian, địa điểm, phương thức kiểm tra, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đoàn kiểm tra và dự kiến các nguồn lực cho hoạt động kiểm tra.

4. Tiến hành kiểm tra và xử lý vi phạm

a) Công bố quyết định kiểm tra với đối tượng kiểm tra và thông báo chương trình làm việc.

b) Đoàn kiểm tra tiến hành thu thập, xem xét, đánh giá thông tin, hồ sơ, tài liệu có liên quan.

c) Lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính, xử lý kết quả kiểm tra.

d) Việc tiến hành kiểm tra được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.

Điều 9. Tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị tiến hành kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức việc theo dõi, đôn đốc thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, các quyết định khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật có liên quan, văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra chuyên ngành (nếu có); trường hợp cần thiết thì báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp trên để có biện pháp xử lý, bảo đảm thực hiện đúng, đầy đủ các quyết định xử lý về kiểm tra chuyên ngành.

2. Đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyết định xử lý về kiểm tra chuyên ngành.

Điều 10. Công tác phối hợp, chia sẻ thông tin và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong hoạt động kiểm tra đối với doanh nghiệp

1. Nội dung phối hợp

a) Phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

b) Phối hợp yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

a) Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật có trách nhiệm kịp thời thông báo bằng văn bản cho Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính để thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp theo quy định.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính trong việc xem xét nội dung giải trình về hành vi vi phạm của doanh nghiệp.

c) Trường hợp cần xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính gửi văn bản kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cần xác định giả mạo và cơ quan công an về giám định tư pháp. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan công an có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả xác định theo đề nghị của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài

a) Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính về việc doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật; doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Sau khi Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan phối hợp với Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính để giám sát việc chấp hành yêu cầu tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 11. Phối hợp, chia sẻ thông tin và trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan trong kiểm tra đối với hộ kinh doanh

1. Nội dung phối hợp

a) Phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

b) Phối hợp yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

a) Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật có trách nhiệm kịp thời thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong việc xem xét nội dung giải trình về hành vi vi phạm của hộ kinh doanh.

c) Trường hợp cần xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi văn bản kèm theo hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cần xác định giả mạo và cơ quan công an về giám định tư pháp. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan công an có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả xác định theo đề nghị của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong phối hợp xử lý hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

a) Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã về việc hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật.

b) Sau khi Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan phối hợp với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để giám sát việc chấp hành yêu cầu tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh của hộ kinh doanh.

Điều 12. Theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra

1. Theo dõi tiến độ và chất lượng kiểm tra:

a) Đối chiếu kế hoạch kiểm tra được phê duyệt với thực tế triển khai.

b) Kiểm soát thời hạn thực hiện, tránh kéo dài, chồng chéo.

c) Đánh giá việc tuân thủ quy trình, nguyên tắc kiểm tra và các quy định tại Quy trình này.

2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị tiến hành kiểm tra tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về hành vi vi phạm của thành viên Đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra. Kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm quy trình hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn làm trái với quy định pháp luật trong quá trình kiểm tra.

Điều 13. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra

1. Khuyến khích hình thức kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử, qua đó yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ kiểm tra. Chỉ thực hiện kiểm tra trực tiếp tại trụ sở doanh nghiệp khi việc kiểm tra từ xa không đủ căn cứ hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm rõ ràng cần xác minh thực tế.

2. Các cơ quan chức năng ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. Việc công khai thông tin kết quả kiểm tra được thực hiện thông qua Cổng thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.